TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-PT
Ngày: 20 - 01 - 2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Bạch N – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2020/TLPT-DS ngày 06/10/2020 về Tranh chấp quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H bị Kng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 479/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Văn N, sinh năm 1927;

Địa chỉ: Ấp Long Hòa, xã Long Thuận, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N là: Luật sư Lê Phi Tùng – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Khóm An Thạnh A, phường An Lộc, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*:

1. Nguyễn Văn B, sinh năm 1961;

2. Nguyễn Thị Tiên, sinh năm 1964;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tiên là: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961 (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/4/2020).

Cùng địa chỉ: Ấp Long Hòa, xã Long Thuận, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan*:

1. Trần Thị T, sinh năm 1941;

2. Nguyễn Thị N, sinh năm 1964;

3. Nguyễn Văn K, sinh năm 1992;

4. Nguyễn Văn G, sinh năm 1995;

5. Nguyễn Thị L, sinh năm 1968;

6. Nguyễn Văn L1, sinh năm 1999;

Người đại diện theo ủy quyền của anh K, anh G, bà L, anh L1 là: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961 (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/4/2020 và 11/5/2020).

Cùng địa chỉ: Ấp Long Hòa, xã Long Thuận, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

7. Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Khóm Thượng 1, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người Kng cáo*: Ông Nguyễn Văn N là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông cùng vợ là bà Trần Thị T chuyển nhượng của ông Phước và ông Lộc, giá bao nhiêu và vào thời gian nào thì ông không nhớ do ông chuyển nhượng thời gian đã lâu, diện tích khoảng 2.500m^2. Sau khi chuyển nhượng thì ông đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1997 - 1999 ông giao đất cho con là ông Nguyễn Văn B làm để nuôi con. Ông và bà T có 06 người con, 02 người đã chết lúc còn nhỏ

(Không có vợ, chồng và con). Còn lại 04 người gồm: Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Cúc. Lúc ông giao đất cho ông B thì chỉ để ông B làm nuôi con ăn học, không cho luôn. Vì ông tính sau này chia đất cho 03 người con gái của ông là bà Cúc, bà N và bà L.

Trước đây, ông có kiện ông B để đòi lại đất tại UBND xã Long Thuận. Ông B thống nhất mỗi tháng cho ông 700.000đ nên ông không kiện ông B nữa. Ông B cho tiền ông được hơn 01 năm thì không cho nữa.

Vì vậy, ông yêu cầu ông B và vợ là Nguyễn Thị Tiên phải trả lại cho ông phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 2.495,8m^2 thuộc thửa 1183, tờ bản đồ số 01, tại ấp Long Hòa, xã Long Thuận, do hộ ông Nguyễn Văn B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B cũng là người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Tiên, bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn L1, anh Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Văn G trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp 2.509m^2, đo đạc thực tế là 2.495,8m^2 thuộc thửa 1183, tờ bản đồ số 01, tại ấp Long Hòa, xã Long Thuận là do ông chuyển nhượng của các ông bà có tên sau:

Ngày 05/9/1992 mua của vợ chồng ông Trịnh Phước Lộc và bà Nguyễn Thị Hồng 1,5 công (1.500m^2) với giá 5 chỉ vàng 24k/1 công. Đến ngày 08/10/1992 ông mua thêm của ông Trịnh Phước Qui (Đã chết) là em ruột của ông Lộc 0,5 công (500m^2) với giá 2,5 chỉ vàng 24k, hai bên có làm giấy tay. Sau khi ông mua đất thì ông đi kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng lần đầu vào năm 1992 diện tích là 2.100m^2.

Đến ngày 10/01/1994 mua của bà Trịnh Thị Phương Mai (Là em ruột của ông Lộc) 0,5 công (500m^2) với giá 2,5 chỉ vàng 24k, hai bên có làm giấy tay. Sau khi mua đất của bà Phương Mai thì ông đi đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất tổng cộng là 2.730m^2.

Trước đây, khi ông N kiện ông tại UBND xã Long Thuận, ông có đồng ý cho ông N mỗi tháng 700.000đ, vì ông N là cha ruột của ông chứ không phải là đất của ông N mà ông cho ông N tiền để ông được sử dụng đất. Sau này do ông N thưa kiện ông hoài nên ông không cho tiền nữa. Ông cùng vợ và các con ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

+ Bà Trần Thị T trình bày:

Bà là vợ ông N và là mẹ của ông B. Phần đất ông N, ông B tranh chấp là do ông B mua của người Kc. Sau khi mua đất ông B canh tác cho đến nay, ông N không có canh tác đất. Bà không yêu cầu hay tranh chấp gì, vì đất là của ông B mua không phải đất của vợ chồng bà.

+ Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà là con của bà T và ông N. Nguồn gốc đất tranh chấp là của vợ chồng ông B mua, nhưng mua của ai, khi nào, giá bao nhiêu thì bà không nhớ. Từ trước đến nay ông N không có mua phần đất nào. Đối với phần đất tranh chấp 2.509m^2 thuộc thửa đất 1183, tờ bản đồ số 01 tại ấp Long Hòa, xã Long Thuận, huyện H là của vợ chồng ông B mua bà không có yêu cầu hay tranh chấp gì.

+ Bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà là con của bà T và ông N. Phần đất rẫy 2.509m^2 ở xã Long Thuận là của ông B mua của ông Tại (Đã chết), bà không nhớ rõ họ, địa chỉ nhà của ông Tại ở cây số 4, xã Long Thuận và cũng không nhớ mua khi nào, giá bao nhiêu. Bà chỉ biết ông Tại là cha ông Phước Qui, ông Phước Lộc và bà Phương Mai. Lúc ông B mua đất thì bà không biết nhưng sau này khi bà ly hôn với chồng về cất nhà gần nhà ông N thì bà thấy ông B sử dụng đất nên mới biết đất của ông B mua. Phần đất ông N, ông B đang tranh chấp bà không tranh chấp hay yêu cầu gì.

+ Bà Nguyễn Thị Cúc đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Cúc vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn N, về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Tiên trả lại phần đất có diện tích 2.495,6m^2 trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 trở lại M1 thuộc thửa số 1183, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Nguyễn Văn B đứng tên quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng Kc, quyền và thời hạn Kng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/8/2020 ông Nguyễn Văn N làm đơn Kng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Tiên trả lại phần đất có diện tích 2.495,6m^2 thuộc thửa 1183, tờ bản đồ số 1, tại xã Long Thuận, huyện H, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và Kng cáo của mình. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N phát biểu ý kiến cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp xuất phát từ việc ông N cố phần đất Kc của gia đình để lấy tiền chuyển nhượng đất. Sau đó, ông N giao đất cho ông B làm để nuôi con vì ông N sống chung với con trai là ông B. Từ năm 2014 đã xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông N và ông B. Xã hòa giải ông B đã đồng ý cho ông N mỗi tháng là 700.000đ nhưng một thời gian sau thì không thực hiện nữa. Tòa án đã có giải quyết đối với phần đất mà cha mẹ ông N để lại và có chia cho ông N 75.000.000đ. Vì vậy, đất tranh chấp là của hộ gia đình trong đó có ông N nên ông N phải được chia một phần. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Kng cáo của ông N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho ông N một phần giá trị quyền sử dụng đất theo hộ gia đình hoặc chu cấp mỗi tháng 500.000đ để ông N có tiền sống trong tuổi già.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận Kng cáo của ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông N cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp 2.495,6m^2 thuộc thửa 1183, tờ bản đồ số 10, tại xã Long Thuận, huyện H là của vợ chồng ông chuyển nhượng của ông Lộc và ông Phước. Từ năm 1997 - 1999 thì giao toàn bộ phần đất tranh chấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Tiên canh tác để nuôi con, không phải cho luôn. Vì vậy, ông yêu cầu vợ chồng ông B và bà Tiên trả lại cho ông diện tích đất này là chưa phù hợp. Bởi vì, vợ chồng ông B và bà Tiên không thừa nhận việc ông N giao đất tranh chấp cho vợ chồng ông canh tác để nuôi con, không phải cho luôn. Còn ông N thì không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Mặt Kc, căn cứ vào "Tờ sang nhượng nhân công đất" ngày 5-9-1992 dl có thể hiện vợ chồng ông Trịnh Phước Lộc và bà Nguyễn Thị Hồng có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Tiên một công rưỡi đất (Tầm 2m70), đến ngày 08.10.92 chuyển nhượng thêm 500m^2, tổng cộng 2.100m^2. Đến ngày 10-1-94 bà Trịnh Thị Phương Mai chuyển nhượng thêm cho ông Nguyễn Văn B 550m^2. Tổng cộng ba lần chuyển nhượng là 2.650m^2. Đồng thời, bà Trần Thị T là vợ ông N cũng xác định bà không có đưa tiền cho ông N mua đất và đất là của vợ chồng ông B mua, không phải của bà và ông N mua. Ông Trịnh Phước Lộc cũng xác định ông và bà Phương Mai là người bán đất cho ông B. Bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị L là con ông N cũng cho rằng đất tranh chấp là của ông B mua không phải đất của ông N. Do đó, không có căn cứ để xác định diện tích đất tranh chấp nêu trên thuộc quyền sử dụng của ông N.

[2] Việc ông N cho rằng sau khi mua đất thì ông đi kê khai đăng ký và ông được cấp giấy chứng quyền sử dụng đất nhưng theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, trong đó có "Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất" của ông B vào ngày 10/9/1992 thể hiện nguồn gốc đất là "mua năm 1992" giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu cho hộ ông B, không thể hiện việc ông N có kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

Do ông N không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền là lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn đề Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn B chu cấp một phần tiền theo

định mức 01 thành viên của hộ gia đình hoặc chu cấp cho ông N mỗi tháng 500.000đ là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận Kng cáo của ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận Kng cáo của ông Nguyễn Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do ông N là người cao tuổi và có đơn xin miễm tiền án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí cho ông N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Điều 157, Điều 165, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận Kng cáo của ông Nguyễn Văn N.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Tiên trả lại phần đất có diện tích 2.495,6m^2 trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 trở lại M1 thuộc thửa số 1183, tờ bản đồ số 01, tại xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Nguyễn Văn B đứng tên quyền sử dụng đất.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/02/2020, sơ đồ đo đạc ngày 19/02/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất huyện Hồng Ngự).

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Tổng cộng 3.600.000đ, ông Nguyễn Văn N được miễn 3.300.000đ. Số còn lại 300.000đ ông N phải chịu (Ông N đã tạm ứng và đã chi xong).

5. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn N được miễn.

Phần của bản án sơ thẩm không bị Kng cáo, Kng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn Kng cáo, Kng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt